TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Thanh Long;

2. Bà Võ Thị Diễm Kiều;

***- Thư ký phiên tòa**:* Ông Nguyễn Phước Thành là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan là Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 207/2026/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2026 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Xóm 10, xã V K, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí Kh, sinh năm 1986; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trà Ốp, xã T A, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn như sau*:**

Chị L và anh Kh xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (nay là xã T A, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 14/9/2012. Chị L và anh Kh có

01 con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm K, sinh ngày 25/5/2013, hiện đang sống chung với chị L.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu chị L và anh Kh sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

Nay về hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm K và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Chị L khai không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra do ở xa, việc đi lại khó khăn nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn Chí Kh là bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình.

- Nguyễn Ngọc Diễm K là con chung của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Chí Kh trình bày khi cha, mẹ ly hôn Nguyễn Ngọc Diễm K có nguyện vọng về sống với mẹ ruột là chị Nguyễn Thị L.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS cụ thể không có mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Chí Kh.

Về con chung: Chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Diễm K, sinh ngày 25/5/2013.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L chưa yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Chí Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị L và anh Kh.

Về quan hệ pháp luật: Chị L khởi kiện để yêu cầu được ly hôn và giải quyết về việc nuôi con khi ly hôn, về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Xét thấy đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Chí Kh xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Kh với lý do có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 nên không còn hạnh phúc.

Đối với anh Nguyễn Chí Kh tuy vắng mặt nhưng biết rõ việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh nhưng không có yêu cầu về việc xin được đoàn tụ. Xét thấy

qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Kh có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh Kh và chị L đã không còn chung sống với nhau trong khoảng thời gian dài. Từ đó, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh Kh.

[3] Về con chung: Chị L và anh Kh có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Diễm K, sinh ngày 25/5/2013 hiện đang sống chung với chị L. Nguyễn Ngọc Diễm K có nguyện vọng về sống với mẹ ruột là chị Nguyễn Thị L. Do đó để ổn định tâm lý và phát triển bình thường của Nguyễn Ngọc Diễm K, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Nguyễn Ngọc Diễm K cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và nguyện vọng của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình về việc cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Nguyễn Thị L trình bày có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Chí Kh phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh Kh không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L khai không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị L và anh Kh nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Chí Kh.

Về con chung: Giao con chung của chị L và anh Kh tên Nguyễn Ngọc Diễm K, sinh ngày 25/5/2013 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng của Nguyễn Ngọc Diễm K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn anh Nguyễn Chí Kh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị L và anh Kh không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị L khai không có thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ chị L và anh Kh nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008766 ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- CCTHADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã T A, tỉnh Vinh Long;
- Đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Tùng